

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2018
“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Bà Lê Thị Nương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 18/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17/11/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị D – Sinh năm 1975 (có mặt);

Bị đơn: Anh Danh M – Sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Hòa 3, xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 17/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị D trình bày:

Vào năm 1997, chị kết hôn cùng với anh Danh M, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng chị thường xuyên uống rượu, mỗi lần say là hành hạ, chửi mắng vợ con, có lần đánh chị gãy xương sườn nên vợ chồng đã tự ly thân hơn 01 năm nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 03 con chung tên: Thị Trà M – sinh ngày 20/5/1999, Danh Hoài N- sinh ngày 11/12/2001 và Danh Hoài A – sinh ngày 06/6/2008, hiện chị đang nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản riêng: Chị được cha mẹ ruột cho diện tích 4.629m², thửa số 30967.07.145-a, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa 3, xã Thủy Liễu, huyện

Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Chị đã được đứng tên trên giấy CNQSDĐ ngày 25/4/2005 nên không yêu cầu giải quyết.

Nguyên vọng: Về hôn nhân, chị D xin được ly hôn với anh M; Về con chung, Thị Trà M đã trưởng thành nên không yêu cầu, còn Danh Hoài N và Danh Hoài A chị xin được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu;

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 24/11/2017, bị đơn anh Danh M thống nhất lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Anh thừa nhận vợ có khoảng hơn 03 công đất ruộng được cha ruột cho là tài sản riêng của vợ thì vợ được quyền quyết định, anh không yêu cầu gì hết.

Còn về mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng là do chị D nhậu say về đập phá nhà cửa, có lần giận quá anh đã đánh vợ gãy xương sườn, sau đó có hối hận, xin lỗi vợ nhưng vợ không đồng ý nên đã ly thân từ đó đến nay hơn 01 năm.

Nguyên vọng: Về hôn nhân, anh M không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ gia đình; Về con chung: con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu. Về tài sản riêng của chị D thì chị D tự quyết định, anh không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Danh M được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015). Anh Danh M với tư cách là bị đơn trong vụ án, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt của anh M không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh M xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thủy Liễu theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/10/2004, theo quy định tại Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Thị D xin ly hôn với anh Danh M vì lý do anh M thường xuyên uống rượu, mỗi lần say về là hành hạ, chửi mắng vợ con, có lần còn đánh chị gãy xương sườn. Còn anh Mười thừa nhận, anh có đánh vợ gãy xương sườn nhưng vì chị D đi nhậu say về đập phá nhà cửa, giận quá nên anh mới đánh, anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn mà muốn đoàn tụ. Tại tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì không còn tình cảm với chồng, không thể chịu đựng việc bị chồng đánh đập, hành hạ nữa. HĐXX thấy rằng, sau hơn 10 năm chung sống, giữa chị D và anh M đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương với nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng thường xảy ra cụ thể là lần anh M dùng bạo lực gây thương tích đối với chị D nên từ đó anh chị

cũng đã tự ly thân hơn 01 năm nay. Mặc dù, anh M có nguyện vọng được đoàn tụ, không muốn ly hôn nhưng anh không thể hiện được tình cảm yêu thương dành cho vợ mà còn dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Với tình trạng hôn nhân trầm trọng, thái độ hành xử bạo lực thường xuyên xảy ra trong đời sống vợ chồng của chị D và anh M làm cho hôn nhân của anh chị không thể kéo dài được nữa nên cần thiết phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị D và anh M có 03 con chung tên Thị Trà M – sinh ngày 20/5/1999, Danh Hoài N - sinh ngày 11/12/2001 và Danh Hoài A – sinh ngày 06/6/2008. Anh chị thống nhất xác định Thị Trà M – sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Danh Hoài N - sinh ngày 11/12/2001 và Danh Hoài A – sinh ngày 06/6/2008, anh chị tự nguyện thỏa thuận theo nguyện vọng con là giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX ghi nhận. Anh M không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Chị D và anh M đều xác định diện tích 4.629m², thửa số 30967.07.145-a, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa 3, xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy CNQSDĐ số AC 383694 do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 25/4/2005 cho chị Thị D đứng tên là tài sản riêng của chị Thị D, không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị D phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chị Thị D được ly hôn với anh Danh M.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Danh Hoài N - sinh ngày 11/12/2001 và Danh Hoài A – sinh ngày 06/6/2008 cho chị Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Thị D phải nộp án phí HNST là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000155, ngày 17/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Thị D đã nộp xong án phí.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/01/2018). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Hiền